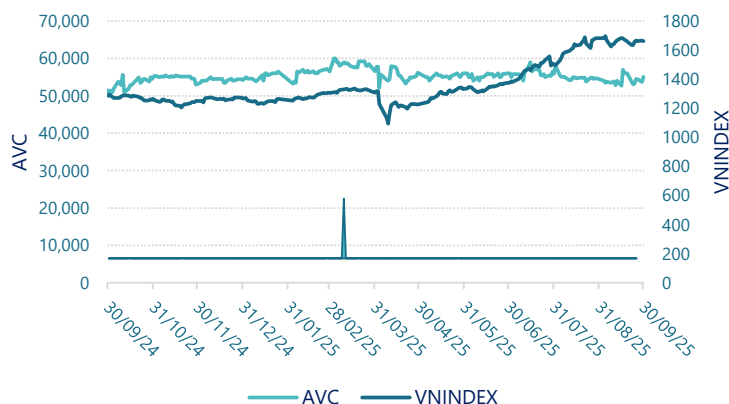


CTCP Thủy Điện A Vương (UPCOM: AVC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	55,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	60,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	49,949
SL cổ phiếu LH	75,052,052
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,315
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	4,135
P/E	12.4
EPS	4,440

DT thuần

Q3/25

205

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 59.0 | 40.3%

YoY: ▼ 39.0 | -16.0%

LN sau thuế

Q3/25

96.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 51.3 | 113%

YoY: ▼ 27.4 | -22.1%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

59.0%

+/- YoY: ▼ 4.4%

DT thuần

9T 2025

482

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 5.00 | 0.9%

LN sau thuế

9T 2025

202

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 31.0 | 18.2%

ROE

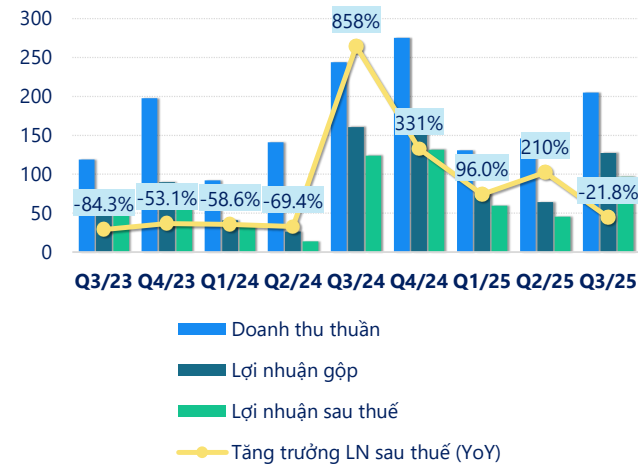
Q3/25

27.7%

+/- YoY: ▲ 10.4%

tỷ VNĐ

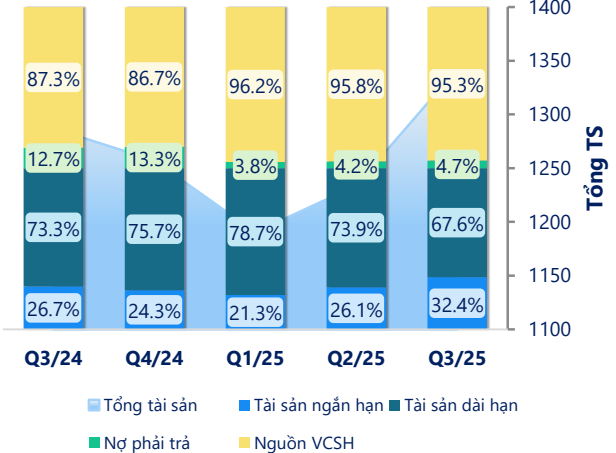
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

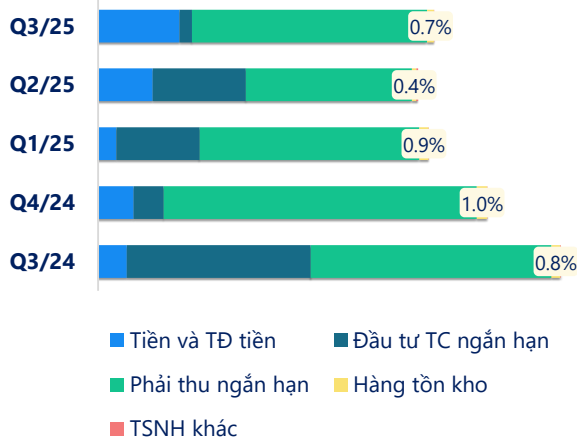
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



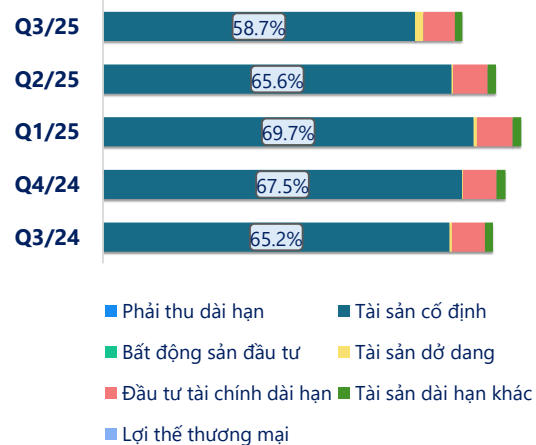
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

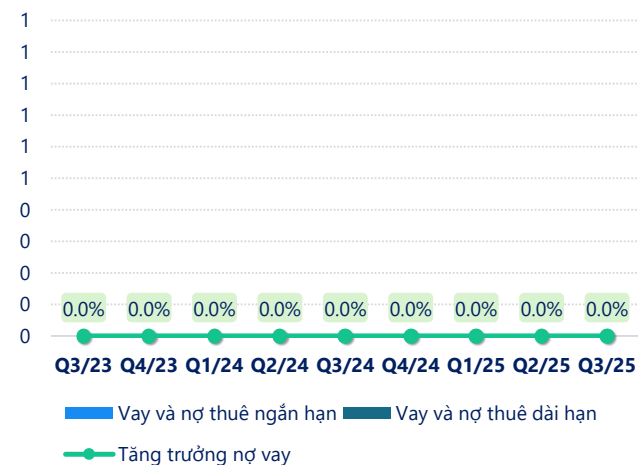
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

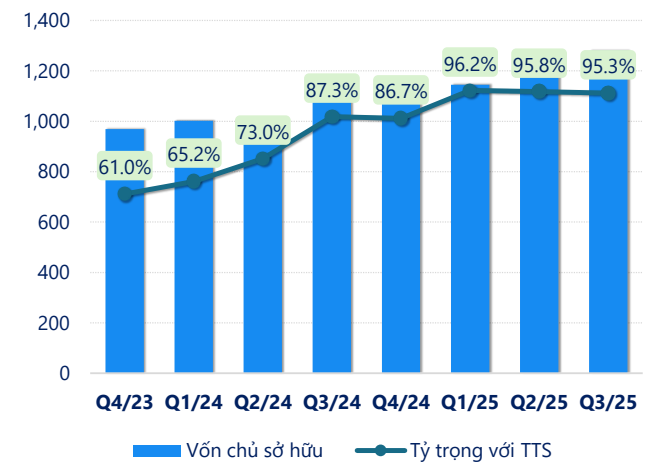
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

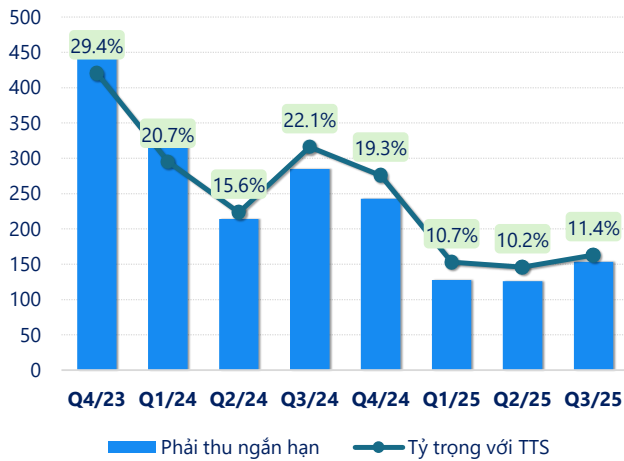
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



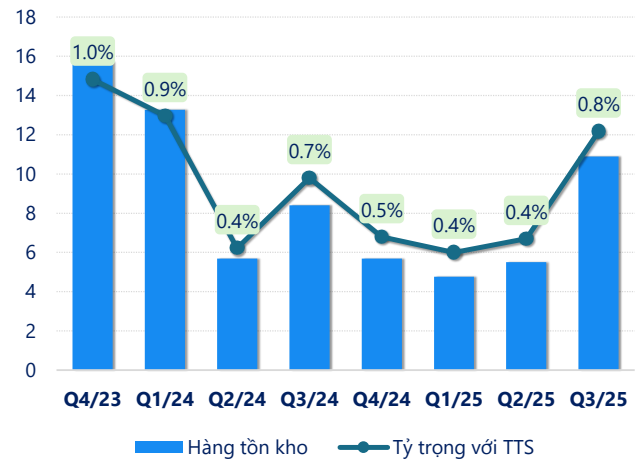
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


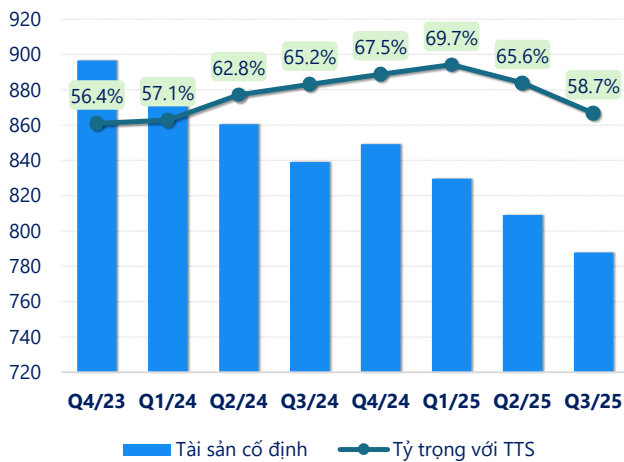
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


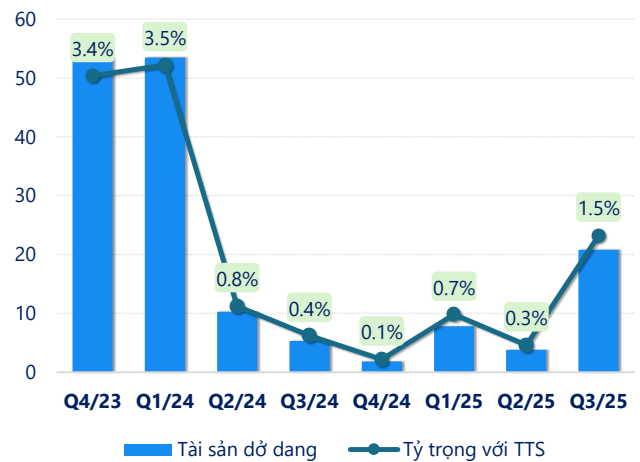
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

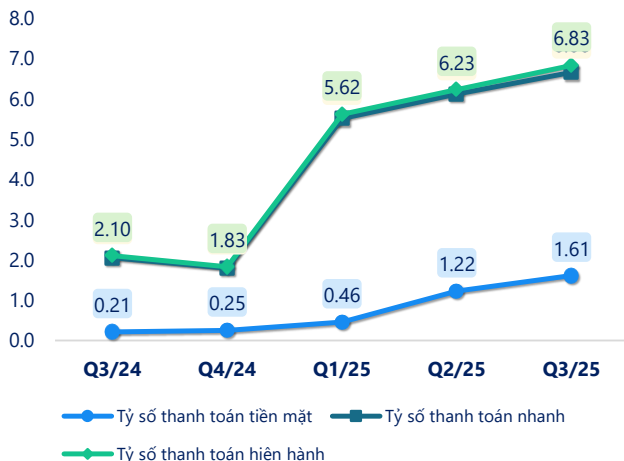
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

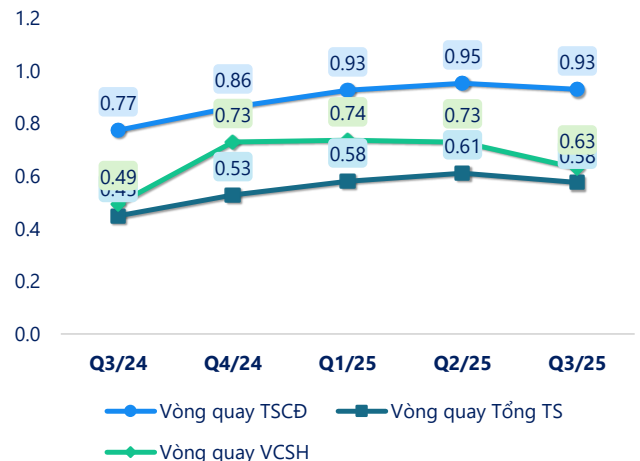
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	1,287	1,257	1,190	1,234	1,343
Tài sản ngắn hạn	343	306	254	322	436
Tiền và tương đương tiền	34.8	42.1	20.6	63.3	103
Đầu tư tài chính ngắn hạn	15.0	15.0	101	127	168
Phải thu ngắn hạn	285	243	127	126	153
Hàng tồn kho	8.41	5.69	4.76	5.51	10.9
Tài sản ngắn hạn khác	0.32	0.15	0.10	0.32	0.54
Tài sản dài hạn	944	952	936	912	907
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	839	849	830	809	788
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	5.33	1.83	7.78	3.78	20.8
Đầu tư tài chính dài hạn	79.8	79.8	79.8	79.8	79.8
Tài sản dài hạn khác	19.7	20.9	19.3	19.1	18.6
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	163	167	45.2	51.7	63.7
Nợ ngắn hạn	163	167	45.2	51.7	63.7
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	14.2	11.5	7.64	6.04	6.16
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,124	1,090	1,145	1,182	1,279
Vốn chủ sở hữu	1,124	1,090	1,145	1,182	1,279
Vốn điều lệ	751	751	751	751	751
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)